BỘ Y TẾ

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2014/TT-BYT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ
Quy định nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Y tế

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13/01/2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành y tế.

Điều 1. Nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Y tế

Ban hành kèm theo Thông tư này nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Y tế theo Danh mục hệ thống chỉ số thống kê cơ bản ngành Y tế quy định tại Thông tư số 06/2014/TT-BYT ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành y tế phục vụ thu thập các chỉ tiêu thống kê trong danh mục chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế thống nhất trong phạm vi toàn quốc.

2. Cục trưởng, Vụ trưởng, Tổng cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế căn cứ vào danh mục hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản có trách nhiệm thu thập, tổng hợp những chỉ tiêu được phân công trong danh mục hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế gửi cho Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp và công bố.

3. Sở Y tế là cơ quan đầu mối tại địa phương chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp thông tin thống kê trên địa bàn phục vụ tính toán các chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành Y tế.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2014.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để được nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Lê Tuấn

BỘ Y TẾ

NỘI DUNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH Y TẾ

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BYT ngày 14/8/2014

HÀ NỘI 2014

Mục lục

DANH MỤC VIẾT TẮT

Chỉ tiêu 1: Tổng chi cho y tế so với tổng sản phẩm trong nước (GDP)

Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ chi tiêu công cho y tế trong tổng chi y tế

Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho chăm sóc y tế trong tổng chi tiêu y tế

Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ chi cho y tế trong tổng chi ngân sách nhà nước

Chỉ tiêu 5: Tổng chi y tế bình quân đầu người hàng năm

Chỉ tiêu 6: Số nhân lực y tế trên 10.000 dân

Chỉ tiêu 7: Số sinh viên tốt nghiệp hàng năm từ các trường đại học, cao đẳng thuộc khối ngành khoa học sức khỏe trên 100.000 dân

Chỉ tiêu 8: Số cơ sở y tế trên 10.000 dân

Chỉ tiêu 9: Số giường bệnh trên 10.000 dân

Chỉ tiêu 10: Số cơ sở bán lẻ thuốc trên 10.000 dân

Chỉ tiêu 11: Tỷ lệ trạm y tế xã/phường có bác sỹ

Chỉ tiêu 12: Tỷ lệ trạm y tế xã/phường có hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi

Chỉ tiêu 13: Tỷ lệ thôn bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động

Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ thôn bản có cô đỡ thôn bản được đào tạo tối thiểu 6 tháng

Chỉ tiêu 15: Tỷ lệ xã/phường đạt Tiêu chí quốc gia về y tế

Chỉ tiêu 16: Chỉ tiêu đánh giá hệ thống thông tin y tế theo 26 tiêu chí được WHO khuyến nghị

Chỉ tiêu 17: Chỉ tiêu đánh giá và điều hành chính sách (Policy index) theo 10 quy trình được WHO khuyến nghị

Chỉ tiêu 18: Số lượt khám bệnh trên 10.000 dân

Chỉ tiêu 19: Số lượt người bệnh điều trị nội trú trên 10.000 dân

Chỉ tiêu 20: Số ngày điều trị trung bình của 1 đợt điều trị nội trú

Chỉ tiêu 21: Công suất sử dụng giường bệnh

Chỉ tiêu 22: Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế

Chỉ tiêu 23: Tỷ lệ mẫu thuốc kém chất lượng trong các mẫu thuốc được hậu kiểm hàng năm

Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ người bệnh hài lòng với dịch vụ khám chữa bệnh

Chỉ tiêu 25: Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ trong bệnh viện

Chỉ tiêu 26: Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai

Chỉ tiêu 27: Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng đủ mũi vắc xin uốn ván

Chỉ tiêu 28: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ

Chỉ tiêu 29: Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ

Chỉ tiêu 30: Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh

Chỉ tiêu 31: Tỷ lệ trẻ 0 - 59 tháng tuổi nghi ngờ viêm phổi được điều trị bằng kháng sinh

Chỉ tiêu 32: Tỷ lệ bệnh nhân được khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền hoặc kết hợp y học cổ truyền và hiện đại

Chỉ tiêu 33: Tỷ lệ phụ nữ 30 - 54 tuổi được sàng lọc ung thư cổ tử cung

Chỉ tiêu 34: Tỷ lệ phụ nữ trên 40 tuổi được sàng lọc ung thư vú

Chỉ tiêu 35: Tỷ lệ phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị đặc hiệu nhằm giảm nguy cơ lây truyền HIV từ mẹ sang con

Chỉ tiêu 36: Số lượt nạn nhân bạo lực gia đình đến khám tại cơ sở y tế

Chỉ tiêu 37: Tỷ suất 10 bệnh/nhóm bệnh mắc cao nhất điều trị nội trú tại bệnh viện

Chỉ tiêu 38: Tỷ lệ tử vong theo 10 nguyên nhân cao nhất của các bệnh nhân nội trú tại bệnh viện

Chỉ tiêu 39: Tỷ lệ điều trị khỏi lao phổi AFB (+) mới (DOTs)

Chỉ tiêu 40: Tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm gây dịch được báo cáo trong năm trên 100.000 dân

Chỉ tiêu 41: Tỷ lệ tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch được báo cáo trong năm trên 100.000 dân

Chỉ tiêu 42: Tỷ lệ người hút thuốc lá

Chỉ tiêu 43: Tỷ lệ trẻ sơ sinh nhẹ cân (< 2.500 gram)

Chỉ tiêu 44: Tỷ số giới tính khi sinh

Chỉ tiêu 45: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng

Chỉ tiêu 46: Tỷ lệ thừa cân/béo phì ở những người trên 15 tuổi

Chỉ tiêu 47: Tỷ lệ số hộ gia đình có mức năng lượng khẩu phần trung bình đầu người ngày dưới mức tối thiểu 1.800Kcal

Chỉ tiêu 48: Tỷ lệ phụ nữ trong nhóm tuổi từ 15 - 49 đang áp dụng biện pháp tránh thai